



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

HỎI - ĐÁP

VỀ BẢO VỆ AN NINH TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỎI - ĐÁP
**VỀ BẢO VỆ AN NINH
TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên:

TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. VŨ TRỌNG LÂM

**BỘ CÔNG AN
VỤ PHÁP CHẾ**

HỎI - ĐÁP
VỀ BẢO VỆ AN NINH
TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2011

TẬP THỂ TÁC GIẢ

PGS, TS. NGUYỄN NGỌC ANH (Chủ biên)

TS. NGUYỄN XUÂN TOÀN

ThS. LÊ THỊ HỒNG THƯƠNG

NGUYỄN DUY NGÀ

NGUYỄN VĂN THỊNH

NGUYỄN TÔ VĂN

NGUYỄN QUỐC THẮNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở luôn được coi là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược trong kế sách xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong những năm qua, công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, v.v.. An ninh, trật tự được bảo đảm đã góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi để phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Bộ mặt đất nước ta, cả thành thị và nông thôn thay đổi nhanh chóng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, tình hình an ninh, trật tự ở cơ sở diễn biến phức tạp, tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác có xu hướng ngày càng gia tăng, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Tình hình trên đây có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Sự phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bên cạnh những mặt tích cực cũng có những mặt trái ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và các tầng lớp nhân dân, nhất là ở cơ sở. Quá trình đô thị hoá nhanh; tình trạng thất nghiệp, thất học, tham nhũng, tiêu cực

chậm được khắc phục; những xung đột, tranh chấp về đất đai, nhà ở và những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân chưa được giải quyết kịp thời; hệ thống chính trị cơ sở có nơi chưa được xây dựng, củng cố bảo đảm trong sạch, vững mạnh; sự yếu kém trong quản lý của chính quyền cơ sở; tác động tiêu cực của suy thoái kinh tế toàn cầu, các thế lực thù địch ráo riết hoạt động chống phá, v.v. và nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác đã làm cho tình hình an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng phức tạp, tiềm ẩn những bất ổn. Các lực lượng chuyên trách, nòng cốt bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tuy đã từng bước được xây dựng, củng cố và đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp chung, nhưng vẫn còn hạn chế, bất cập.

Để góp phần nâng cao nhận thức và hiệu quả bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tái bản có sửa chữa, bổ sung cuốn sách ***Hỏi - Đáp về bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở***. Cuốn sách do Vụ Pháp chế - Bộ Công an biên soạn, gồm ba phần:

Phần I - Những vấn đề chung về bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Phần II - Vai trò, trách nhiệm của Công an trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Phần III - Vai trò của Dân quân tự vệ, Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, Bảo vệ dân phố trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo cần thiết đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và đông đảo bạn đọc quan tâm.

Nhà xuất bản và các tác giả rất mong bạn đọc góp ý
để lần tái bản sau cuốn sách có chất lượng tốt hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Câu hỏi 1. An ninh, trật tự ở cơ sở là gì?

Trả lời:

Theo nghĩa thông thường, an ninh, trật tự ở cơ sở được hiểu là sự ổn định, phát triển bền vững về lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở (xã, phường, thị trấn).

Câu hỏi 2. Bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gồm những nội dung gì? Có những lực lượng nào tham gia?

Trả lời:

Bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gồm những nội dung sau:

- + Tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền quyết định, chỉ đạo thực hiện chủ trương, kế hoạch về bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;
- + Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; thể trận an ninh nhân dân ở cơ sở;
- + Phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác;

+ Quản lý, giáo dục các đối tượng vi phạm pháp luật ở cơ sở;

+ Xây dựng các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Hiện nay, có nhiều lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, trong đó có các lực lượng sau:

- + Lực lượng chuyên trách (Công an cấp cơ sở);
- + Dân quân tự vệ;
- + Bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp;
- + Bảo vệ dân phố;
- + Các tổ chức quần chúng tự quản;
- + Sự tham gia của các tầng lớp nhân dân.

Câu hỏi 3. Mục đích của “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là gì?

Trả lời:

"Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được quy định trong Luật công an nhân dân và Quyết định số 521/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, hằng năm, lấy ngày 19 tháng 8 là "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Mục đích của ngày hội này là:

- Giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng Công an cách mạng chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại;

- Phát huy tinh thần cảnh giác cách mạng của các tầng lớp trong xã hội, đẩy mạnh phong trào

quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và tội phạm, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội;

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Câu hỏi 4. Tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện nay có những loại mô hình nào?

Trả lời:

Mô hình các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là hình mẫu, cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội, và các vi phạm pháp luật khác, bảo vệ an ninh, trật tự kết hợp với xây dựng đời sống văn hoá nhằm thu hút và tập hợp quần chúng nhân dân tham gia thực hiện.

Các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở dù tổ chức theo mô hình nào cũng phải bảo đảm hoạt động đúng pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế về an ninh, trật tự và kinh tế xã hội của từng địa bàn cơ sở cụ thể nhằm mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng dân cư sinh sống trên địa bàn đó.

Việc xây dựng mô hình do cấp uỷ, chính quyền địa phương chỉ đạo, cơ quan Công an làm tham

mưu hướng dẫn. Các mô hình phải có tên gọi, đề ra được mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động và khẩu hiệu hành động. Công an xã, phường, thị trấn giúp cấp uỷ, chính quyền cơ sở phối hợp với đoàn thể chỉ đạo xây dựng và hoạt động mô hình, bồi dưỡng các nhân tố tích cực và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

Câu hỏi 5. *Hiện nay, có bao nhiêu loại hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ? Các tổ chức này giống và khác nhau như thế nào?*

Trả lời:

Hiện nay, trên toàn quốc có hơn 500 nghìn tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự với khoảng 35 loại hình tổ chức khác nhau.

- *Giống nhau* của các tổ chức này là đều nhằm bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở góp phần quan trọng vào các hoạt động xây dựng nền an ninh, trật tự ở cơ sở, phòng ngừa tội phạm, hoà giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, xoá bỏ sơ hở thiếu sót, không để kẻ địch lợi dụng đồng thời góp phần quan trọng trong việc phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, quản lý giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư.

- *Khác nhau* của các tổ chức này là: xét về chức năng tổ chức, hoạt động thì trong số 35 mô hình tổ chức mà các địa phương đã thống kê, rà soát thì có 25 tổ chức làm chức năng giữ gìn an ninh, trật tự thuần túy, có 10 tổ chức là hình thức đa

chức năng như: trung đội thường trực an ninh quốc phòng, dòng họ văn hoá, tổ hoà giải, câu lạc bộ tuổi trẻ pháp luật, hội đồng hương ước, đội thanh niên sao đỏ, ban điều hành khu phố, ban nhân dân ấp, ban bảo vệ liên ngành thôn xóm.

Nếu xét về phương thức xây dựng tổ chức quần chúng hiện có thì chủ yếu được xây dựng theo hai phương thức cơ bản:

Một là, phương thức liên kết cơ sở các nghị quyết liên tịch của lực lượng Công an với tổ chức chính trị - xã hội và với các ngành.

Hai là, phương thức “tự quản” do quần chúng tổ chức tự quản như: “Tổ tự quản”, “Đội dân phòng”, “Đội thường trực an ninh”... Đây là các tổ chức thu nhận các thành viên ở đủ mọi thành phần, lứa tuổi, nghề nghiệp, không có sự phân biệt và được tổ chức theo địa bàn dân cư là chủ yếu.

Câu hỏi 6. *Vai trò của các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là gì?*

Trả lời:

Tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát triển rất đa dạng, điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân lao động tham gia trực tiếp vào các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, mỗi tầng lớp, lứa tuổi, giới tính đều có tổ chức của mình... Các tổ chức quần chúng đã góp phần quan trọng trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đấu tranh phòng,

chống tội phạm, quản lý giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư. Hoạt động của các tổ chức quần chúng là diễn đàn để phổ biến tình hình, giáo dục cảnh giác, truyền đạt kinh nghiệm, v.v. nâng cao nhận thức mọi mặt cho quần chúng nhân dân, tăng cường khả năng về bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở cho nhân dân.

Câu hỏi 7. Các tổ chức quần chúng có trách nhiệm như thế nào trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội ở cơ sở?

Trả lời:

Để đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác, tai nạn, tệ nạn xã hội tại địa bàn cơ sở các tổ chức quần chúng có trách nhiệm:

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và các quy định, quy tắc, nội quy, quy ước, hương ước của làng xã các công dân sinh sống tại địa bàn dân cư để họ có hiểu biết và có ý thức đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội, nâng cao ý thức chấp hành các chủ trương chính sách và các quy định của pháp luật.

+ Các thành viên thuộc các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở phải có trách nhiệm và nghĩa vụ giúp đỡ, cảm hoá những người vi phạm pháp luật ở địa bàn dân cư; phát hiện, tố giác tội phạm, bắt giữ người phạm tội quả tang,

giữ gìn an ninh, trật tự công cộng; trật tự, an toàn giao thông, cứu giúp người khi bị nạn...

+ Trong quá trình hoạt động của mình phải tham gia ý kiến, kiến nghị với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng về các biện pháp hạn chế nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác ở tại địa bàn cư trú.

Câu hỏi 8. Trách nhiệm của công dân trong việc tố giác tội phạm?

Trả lời:

Tố giác tội phạm là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân được pháp luật quy định *mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm* (Điều 4 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Công dân thực hiện tốt nghĩa vụ tố giác tội phạm sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, tạo điều kiện để các cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp đấu tranh ngăn chặn kịp thời bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, an ninh, trật tự được bảo đảm.

Yêu cầu tố giác tội phạm của công dân phải chính xác, trên cơ sở nắm bắt, quan sát, ghi nhận đầy đủ các thông tin có liên quan đến tội phạm hoặc người đã thực hiện hành vi phạm tội và phải kịp thời thông báo cho cơ quan chức năng điều tra giải quyết, xử lý người phạm tội.

Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cũng đã quy định trường hợp người không tố giác tội phạm là vi phạm pháp luật và sẽ bị truy cứu hình sự.

Câu hỏi 9. *Trách nhiệm của công dân tham gia bảo vệ hiện trường vụ án?*

Trả lời:

Khi công dân có mặt tại nơi xảy ra vụ án hoặc nơi phát hiện tội phạm thì phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất biết, đồng thời, tham gia bảo vệ hiện trường vụ án, cấp cứu nạn nhân (nếu có); cung cấp cho cơ quan điều tra những thông tin về người, sự việc, vật chứng có liên quan đến vụ án để điều tra, bắt giữ, xử lý tội phạm.

Câu hỏi 10. *Trách nhiệm của người làm chứng được quy định như thế nào?*

Trả lời:

Người làm chứng là người biết được các tình tiết, nội dung có liên quan đến vụ án hoặc nhìn thấy trực tiếp, nghe thấy hoặc được người khác kể lại về những tình tiết có liên quan đến vụ án, được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập đến (hoặc tự nguyện đến) để khai báo về tình tiết, nội dung vụ án.

Theo quy định của Điều 55 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì người làm chứng có trách nhiệm: có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan

điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; trong trường hợp cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải; khai báo trung thực tất cả những tình tiết mà mình biết về vụ án, nếu khai báo thiếu trung thực mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị xử lý theo quy định của Bộ luật hình sự.

Câu hỏi 11. *Quyền của người làm chứng được quy định như thế nào?*

Trả lời:

Theo Điều 55 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 thì người làm chứng có các quyền sau:

1. Yêu cầu cơ quan triệu tập họ bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng;

2. Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

3. Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 12. *Công dân có thành tích trong đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa bàn cơ sở được khen thưởng như thế nào?*

Trả lời:

Để ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với công

dân, tổ chức có thành tích trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội nói chung và trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng tại địa bàn cơ sở, Luật Công an nhân dân và các văn bản pháp luật khác có quy định về việc khen thưởng đối với công dân, tổ chức có thành tích trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Theo đó, công dân, tổ chức phối hợp, tham gia cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm tùy theo công trạng được xét tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự nhà nước, Kỷ niệm chương, Huy hiệu, Bằng khen, Giấy khen với hình thức cụ thể theo quy định về tiêu chuẩn và đối tượng của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp công dân, tổ chức có thành tích đặc biệt xuất sắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội thì ngoài việc được tặng thưởng theo các hình thức khen thưởng đã nêu trên, còn được Nhà nước và Bộ Công an xét thưởng vật chất. Mức thưởng, đối tượng cụ thể và trình tự thủ tục xét thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trường hợp do yêu cầu bảo vệ bí mật công tác, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền đối với công dân, tổ chức tham gia phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an nhân dân trong bảo vệ an

ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội sẽ không công bố công khai.

Câu hỏi 13. *Khi phát hiện hoặc tiếp nhận tin báo vụ, việc xảy ra về an ninh, trật tự tại cơ sở thì các tổ chức quần chúng phải làm gì?*

Trả lời:

Khi phát hiện hoặc tiếp nhận tin báo về vụ, việc xảy ra về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở thì các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự phải báo ngay cho cơ quan chức năng của Nhà nước để tiến hành xử lý theo thẩm quyền; đồng thời cần kịp thời có mặt tại nơi xảy ra vụ, việc để ngăn chặn ngay các hành vi vi phạm pháp luật, vận động quần chúng nhân dân tham gia giữ gìn an ninh, trật tự; đưa người bị thương đi cấp cứu và bảo vệ hiện trường chờ cơ quan chức năng đến giải quyết.

Câu hỏi 14. *Khi phát hiện tội phạm, trách nhiệm công dân phải làm gì?*

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức. Khi phát hiện tội phạm, công dân cần báo ngay cho Cơ quan Công an nơi gần nhất để tiến hành xử lý theo quy định

của pháp luật. Trong trường hợp phát hiện hành vi phạm tội quả tang, công dân cần ngăn chặn ngay hành vi phạm tội, bắt giữ người có hành vi phạm tội và giao cho cơ quan Công an nơi gần nhất để xử lý. Công dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm mà bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục, bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù, bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 15. *Tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại cộng đồng?*

Trả lời:

Tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở phải kịp thời phát hiện những người nghiện các chất ma túy cư trú trên địa bàn; tích cực tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người nghiện đi cai nghiện ma túy tại cộng đồng. Tổ chức quần chúng vận động mọi người không mặc cảm, phân biệt đối xử, xa lánh người nghiện các chất ma túy, phải thường xuyên thăm hỏi, động viên, giúp đỡ để họ quyết tâm cai nghiện; phòng ngừa họ vi phạm pháp luật. Nếu thấy cần thiết Tổ trưởng của tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở đề xuất cho tổ chức kiểm điểm người nghiện các chất ma túy tại cộng đồng trước nhân dân, nếu họ vi phạm cam kết với

chính quyền, Công an và tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở .

Câu hỏi 16. *Khi có vụ việc khẩn cấp liên quan đến an ninh, trật tự tại cơ sở thì cần liên lạc với ai, số điện thoại nào?*

Trả lời:

Khi có vụ việc khẩn cấp liên quan đến an ninh, trật tự tại cơ sở thì phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và trong từng trường hợp cụ thể có thể liên lạc ngay với lực lượng Cảnh sát phản ứng nhanh về trật tự công cộng, số điện thoại: 113.

Khi xảy ra vụ cháy trên địa bàn thì gọi ngay tới lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, số điện thoại: 114.

Khi có người bị nạn cần đưa đi cấp cứu thì gọi đến cơ sở y tế, số điện thoại: 115.

Lưu ý: Các số điện thoại khẩn cấp này được miễn phí khi gọi đến. Nghiêm cấm việc báo tin giả, trêu đùa, v.v. khi gọi đến các số máy nêu trên.

Câu hỏi 17. *Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra trên địa bàn, các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở phải làm gì?*

Trả lời:

Gây rối trật tự công cộng là những hành vi vi phạm các quy tắc, nội quy sinh hoạt nơi công cộng ảnh hưởng đến nếp sống cộng đồng như

đánh nhau, cãi nhau, lấn chiếm lòng, lề đường, đua xe trái phép, làm mất vệ sinh môi trường, tập trung đông người gây ồn ào quá mức, v.v. làm xáo trộn nếp sống bình thường của nhân dân trong khu vực.

Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra trên địa bàn thì các thành viên của tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự này phải có trách nhiệm ngăn chặn đối tượng có hành vi vi phạm, báo ngay cho Cảnh sát khu vực, Công an viên, Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố) và phối hợp vận động, thuyết phục, phối hợp bắt giữ, xử lý đối tượng vi phạm; không để vụ việc gây rối trật tự công cộng tiếp diễn, xảy ra hậu quả xấu về an ninh, trật tự.

Câu hỏi 18. *Mối quan hệ giữa Tổ trưởng tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố?*

Trả lời:

Đây là mối quan hệ giữa người chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân cấp xã để lãnh đạo hoạt động của thôn, tổ, ấp, xóm, v.v. với tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Thông qua các cuộc họp của các tổ chức, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Tổ trưởng tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước, các kế hoạch của địa phương, cơ sở về thực hiện nhiệm vụ liên quan nhằm bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn hoạt động. Tiếp thu ý kiến của công dân trên địa bàn để báo cáo cấp trên. Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cần bố trí thời gian để dự họp với các tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở, nhất là khi tình hình có vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trên địa bàn để giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ hoặc phản ánh, đề nghị cấp trên giải quyết. Trước khi và sau khi họp tổ, Tổ trưởng tổ an ninh, trật tự tại cơ sở phải báo cáo nội dung cuộc họp, và kết quả với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để xin ý kiến chỉ đạo.

Câu hỏi 19. *Hoạt động nào của chính quyền xã, phường, thị trấn phải công khai để nhân dân biết và giám sát?*

Trả lời:

- Theo Điều 5 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 thì chính quyền xã, phường, thị trấn phải công khai để nhân dân biết và giám sát các hoạt động sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm của cấp xã.

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án,

công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Câu hỏi 20. *Những nội dung nào trong hoạt động của chính quyền cơ sở thì nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp?*

Trả lời:

Theo Điều 10 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 thì:

Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp:

Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp về chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

Câu hỏi 21. *Khiếu nại và tố cáo khác nhau như thế nào?*

Trả lời:

Theo Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2004, 2005 thì:

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do luật quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm

quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do luật quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Câu hỏi 22. Nếu muốn gửi đơn thư khiếu nại thì gửi đến đâu? Người khiếu nại có quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo Luật khiếu nại, tố cáo thì:

Người khiếu nại lần đầu phải khiếu nại với người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có cán bộ, công chức có hành vi hành chính mà người khiếu nại có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

Tự mình khiếu nại; trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được uỷ quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác để khiếu nại;

- Nhờ luật sư giúp đỡ về pháp luật trong quá trình khiếu nại;

- Biết các bằng chứng để làm căn cứ giải quyết khiếu nại; đưa ra bằng chứng về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về bằng chứng đó;

- Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý để giải quyết khiếu nại; biết thông tin, tài liệu của việc giải quyết khiếu nại; nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

- Khiếu nại tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về tố tụng hành chính;

- Rút khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại.

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

- Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

- Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó;

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Câu hỏi 23. Trường hợp nào thì đơn thư khiếu nại không được xem xét, giải quyết?

Trả lời:

Nếu đơn khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau thì không được xem xét, giải quyết:

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

- Người khiếu nại không có năng lực hành vi đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp, trừ trường hợp pháp luật đó quy định khác.

- Người đại diện không hợp pháp.

- Thời hiệu khiếu nại, thời hạn khiếu nại tiếp đã hết.

- Việc khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

- Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý để giải quyết hoặc đã có bản án, quyết định của Tòa án.

Câu hỏi 24. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo? Việc tố cáo không được xem xét, giải quyết trong các trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Luật khiếu nại, tố cáo thì:

1. Người tố cáo có các quyền sau đây:

- Gửi đơn hoặc trực tiếp tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

- Yêu cầu giữ bí mật họ, tên, địa chỉ, bút tích của mình;

- Yêu cầu được thông báo kết quả giải quyết tố cáo;

- Yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bảo vệ khi bị đe dọa, trù dập, trả thù.

2. Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo;

- Nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật.

3. Việc tố cáo không được xem xét, giải quyết khi:

- Đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp mà sao chụp chữ ký.

- Đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Phần II

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN TRONG BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Câu hỏi 25. *Vị trí, chức năng của Công an xã?*

Trả lời:

Theo Điều 3 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 26. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã?

Trả lời:

Theo Điều 4 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã như sau:

- Công an xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cùng cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên.

- Hoạt động của Công an xã tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Câu hỏi 27. Công an xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nào để bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở?

Trả lời:

Để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở Công an xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, cụ thể là:

- Làm nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo thẩm quyền.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục các đối tượng phải chấp hành hình phạt quản chế, cải tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo cư trú trên địa bàn xã; quản lý người được đặc xá, người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong hình phạt tù thuộc diện phải tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cư trú, chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; kiểm tra người, đồ vật, giấy tờ tùy thân, thu giữ vũ khí, hung khí của người có hành vi vi phạm pháp luật quả tang; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị

hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc.

- Tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẫn trốn trên địa bàn xã; dẫn giải người bị bắt lên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp.

- Xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác đối với người vi phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Trong trường hợp cấp thiết, để cấp cứu người bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, được huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân và phải trả lại ngay phương tiện được huy động khi tình huống chấm dứt và báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Trường hợp có thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc bị chết thì được giải quyết theo chính sách của Nhà nước.

- Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và thực hiện một số biện pháp công tác công an theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Tham gia thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân; luyện tập, diễn tập thực hiện các phương án quốc phòng, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các sự cố nghiêm trọng khác.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 28. Cơ quan, tổ chức nào có quyền giám sát hoạt động của Công an xã?

Trả lời:

Điều 6 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 hoạt động của Công an xã chịu sự giám sát sau:

- Cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện pháp luật về Công an xã.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ; giám sát hoạt động của Công an xã; động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Câu hỏi 29. Quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự?

Trả lời:

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình Công an xã cần có sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tại địa bàn cơ sở, cụ thể như sau:

- Công an xã chủ trì, phối hợp với Dân quân tự vệ, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

- Đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ.

Câu hỏi 30. Những hành vi nào bị cấm liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý Công an xã?

Trả lời:

Căn cứ vào Điều 8 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì các hành vi bị nghiêm cấm gồm:

- Tổ chức, sử dụng lực lượng Công an xã trái với quy định của Pháp lệnh này;

- Giả danh Công an xã;

- Chống lại hoặc cản trở Công an xã thi hành công vụ;

- Sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu của Công an xã;

- Lợi dụng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã để gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

- Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công an xã.

Câu hỏi 31. Công an xã được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ vào Điều 10 của Pháp lệnh Công an xã năm 2008, Công an xã được tổ chức như sau:

1. Công an xã gồm các chức danh: Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

2. Chính phủ quy định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

Căn cứ vào quy định khung số lượng của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên từng xã.

3. Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp huyện) sau khi trao đổi, thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng Công an xã; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo đề nghị của Trưởng Công an xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên.

4. Trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Giám đốc Công an cấp tỉnh sau khi trao đổi, thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

5. Công an xã có con dấu riêng.

Câu hỏi 32. Công an xã được trang bị những gì và có nơi làm việc riêng không?

Trả lời:

Điều 15 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 quy định như sau:

1. Công an xã có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng phù hợp với điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

2. Công an xã được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách và trang thiết bị, phương tiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị của Công an xã phải được đăng ký, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

Câu hỏi 33. Chế độ, chính sách đối với Công an xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 19 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 quy định:

1. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên thực hiện bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Công an xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên; có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần.

3. Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần.

4. Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ công tác phí.

5. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng chế độ theo quy định.

6. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong khi thi hành nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; Phó trưởng Công an xã, Công an viên trong thời gian công tác nếu ốm đau được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được xem xét hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương.

Câu hỏi 34. *Trách nhiệm của Bộ Công an đối với tổ chức, hoạt động của Công an xã?*

Trả lời:

Công an xã là một cấp trong bốn cấp của tổ chức bộ máy của Công an nhân dân do đó Bộ Công an có trách nhiệm đối với hoạt động của Công an xã theo Điều 21 Pháp lệnh Công an xã năm 2008, cụ thể như sau:

1. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Công an xã.

2. Quy định cụ thể và chỉ đạo thực hiện việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

3. Quy định chương trình, nội dung, thời gian và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho Công an xã.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Công an xã; quy định số lượng, chủng loại và hướng dẫn quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị cho Công an xã.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp về việc quản lý, xây dựng lực lượng Công an xã, bảo đảm các điều kiện hoạt động của Công an xã, thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

6. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ những quy định về Công an xã trái với quy định của pháp luật.

Câu hỏi 35. *Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với hoạt động của Công an xã?*

Trả lời:

Theo Điều 23 Pháp lệnh Công an xã năm 2008 thì Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã theo quy định của Pháp lệnh Công an xã năm 2008 và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Công an xã;

2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công an xã;

3. Thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo tổ chức, hoạt động của Công an xã theo thẩm quyền và theo hướng dẫn của Công an cấp trên; bố trí trụ sở hoặc nơi làm việc cho Công an xã; cấp kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Công an xã và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên;

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 36. Công an phường thực hiện những nhiệm vụ nào để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở?

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định số 862/2006/QĐ-BCA ngày 20-7-2006 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an phường thì:

Công an phường được Cơ quan có thẩm quyền giao các nhiệm vụ để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở như sau:

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức và công dân của phường thực hiện nghĩa vụ bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ

quốc; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho bảo vệ dân phố, dân phòng, các tổ chức quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật và Công an cấp trên.

- Thực hiện các quy định quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, quản lý người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài cư trú, hoạt động trên địa bàn phường; cấp phát chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác, quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, quản lý vũ khí, vật liệu nổ (trừ vũ khí, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý và vật liệu nổ công nghiệp); quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

- Tổ chức bảo vệ hiện trường cấp cứu nạn nhân; bắt người phạm tội quả tang; tổ chức bắt người có lệnh truy nã đang lẩn trốn trong địa bàn phường; tham gia tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật

- Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, giáo dục đối tượng trên địa bàn phường theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức giữ gìn trật tự công cộng, trật tự đô thị, trật tự giao thông; tham gia giải quyết các vụ gây rối trật tự công cộng; xử lý các vi phạm hành chính về an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Hướng dẫn kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phường thực hiện pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân,

quyết định của Ủy ban nhân dân phường về bảo vệ an ninh, trật tự, kiến nghị lên cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý các hành vi vi phạm.

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Công an cấp trên, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường giao.

Câu hỏi 37. *Đồn Công an được tổ chức như thế nào? Đồn Công an được giao chức năng, nhiệm vụ gì?*

Trả lời:

Đồn Công an là đơn vị cơ sở của tổ chức Công an nhân dân thuộc Công an cấp huyện, được thành lập ở các khu vực trọng điểm về an ninh, trật tự, khu công nghiệp và khu vực xây dựng công trình trọng điểm của Nhà nước; chủ yếu làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự trên địa bàn. Đồn Công an được bố trí các lực lượng nghiệp vụ để thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nhau.

Câu hỏi 38. *Trạm Công an được tổ chức như thế nào, thực hiện chức năng, nhiệm vụ gì?*

Trả lời:

Trạm Công an là đơn vị cơ sở của tổ chức Công an nhân dân thuộc Phòng nghiệp vụ của Công an cấp tỉnh hoặc thuộc Công an cấp huyện, được thành lập chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chuyên

ngành của Phòng hoặc của Công an cấp huyện trên phạm vi một địa bàn nhất định, theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng hoặc của Công an cấp huyện đã được quy định. Trạm Công an được bố trí lực lượng nghiệp vụ chuyên ngành để giải quyết yêu cầu nghiệp vụ bảo vệ an ninh, trật tự theo lĩnh vực, địa bàn hoặc trong một thời gian nhất định.

Câu hỏi 39. *Hiện nay, có bao nhiêu loại trạm Công an? Mục đích thành lập các loại Trạm đó?*

Trả lời:

Theo quy định của Bộ Công an thì:

Hiện nay, trong Công an nhân dân có ba loại trạm Công an, cụ thể là:

1. Trạm Cảnh sát giao thông (đường bộ, đường thủy) được thành lập ở các tuyến quốc lộ trọng điểm, các tuyến sông chính có lưu lượng phương tiện giao thông lớn, tình hình trật tự an toàn giao thông phức tạp, dễ xảy ra nhiều tai nạn giao thông; thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông.

2. Trạm Công an quản lý xuất nhập cảnh: được thành lập ở các khu vực biên giới, khu kinh tế mở; Trạm Công an cửa khẩu: được thành lập ở các cửa khẩu quốc tế đường không và đường biển do Công an địa phương quản lý, để thực hiện nhiệm vụ quản lý xuất nhập cảnh theo quy định.

3. Trạm Cảnh sát (bến xe, bến tàu, nhà ga...) được thành lập để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là giữ gìn trật tự công cộng ở khu vực bến xe, bến tàu và nhà ga...

Câu hỏi 40. *Những đối tượng nào bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008), thì đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn bao gồm:

- Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự;

- Người từ đủ 12 tuổi trở lên nhiều lần có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng;

- Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, người bán dâm có tính chất thường xuyên từ đủ 14 tuổi trở lên có nơi cư trú nhất định;

- Người trên 55 tuổi đối với nữ và trên 60 tuổi đối với nam thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài, tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài, vi phạm trật tự, an toàn xã hội có tính chất thường xuyên nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện

pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.

Câu hỏi 41. *Thẩm quyền quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn?*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008), thì: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn có thẩm quyền quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với những đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú.

Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là từ ba tháng đến sáu tháng.

Câu hỏi 42. *Hết hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại cấp xã, người có quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn có được cấp giấy chứng nhận không?*

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19-12-2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19-12-2003) thì: trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày người được giáo dục chấp hành xong

quyết định, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cấp "Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại cấp xã" cho họ, lưu một bản vào hồ sơ, đồng thời thông báo cho tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục và gia đình người được giáo dục biết.

Câu hỏi 43. Việc theo dõi về sự tiến bộ của người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 163/2003/NĐ-CP, ngày 19-12-2003 thì: việc lập hồ sơ theo dõi về sự tiến bộ của người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn như sau:

1. Công an cấp xã có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ để quản lý, theo dõi về sự tiến bộ của người được giáo dục tại cấp xã.

2. Nội dung của hồ sơ bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch;
b) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục;
c) Biên bản cuộc họp về việc đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục; bản xác minh của Trưởng Công an cấp xã quy định tại Điều 10 Nghị định này (nếu có);

d) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã;

đ) Biên bản các cuộc họp kiểm điểm, các báo cáo hàng tháng của tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục;

e) Biên bản ghi lời khai của người được giáo dục (nếu có);

g) Các bản kiểm điểm và bản cam kết sửa chữa sai phạm của người được giáo dục;

h) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại cấp xã; quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại cấp xã của người được áp dụng biện pháp này.

Câu hỏi 44. *Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã?*

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 28 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (Đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008), thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

e) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

f) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại;

g) Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Câu hỏi 45. *Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Trưởng Công an cấp xã?*

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008, thì Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;
- e) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;
- f) Buộc tiêu huỷ vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm độc hại.

Câu hỏi 46. *Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ở cấp xã?*

Trả lời:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008), thì các chức danh sau đây có thẩm quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, Trưởng Công an phường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, Trưởng Công an phường có thể ủy quyền cho cấp phó thực hiện thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính khi vắng mặt và được ủy quyền thực hiện các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính khác. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản. Cấp phó được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định tạm giữ người của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật.

Câu hỏi 47. Thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính ở cấp xã?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008) và khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008, thì việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần để xác minh tình tiết làm căn cứ quyết định xử lý hoặc ngăn chặn ngay vi phạm hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn, Trưởng Công an phường có quyền quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Câu hỏi 48. Những hành vi vi phạm nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội?

Trả lời:

Theo quy định tại các điều từ Điều 7 đến Điều 26 Chương II Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12-7-2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (*Nghị định số 73/2010/NĐ-CP của Chính phủ*) và Nghị định số 129/2006/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì những hành vi sau đây bị xử phạt vi phạm hành chính:

- Hành vi vi phạm trật tự công cộng.
- Hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung.
- Hành vi gây ảnh hưởng đến việc giữ gìn vệ sinh chung.
- Hành vi vi phạm quy định về nếp sống văn minh.
- Hành vi vi phạm quy định về đăng ký và quản lý cư trú.
- Hành vi vi phạm quy định về cấp và quản lý, sử dụng giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ tùy thân.
- Hành vi vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các loại pháo, đồ chơi nguy hiểm bị cấm.

- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự.

- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng con dấu.

- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

- Hành vi vi phạm các quy định về tổ tụng hình sự, thi hành các biện pháp xử lý hành chính khác.

- Hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác.

- Hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự.

- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới, cột mốc, dấu hiệu biên giới quốc gia.

- Hành vi vi phạm quy chế quản lý khu vực biên giới, cửa khẩu.

- Hành vi vi phạm các quy định về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh cư trú và đi lại.

- Hành vi vi phạm các quy định về phòng, chống và kiểm soát ma túy

- Hành vi mại dâm và liên quan đến hoạt động mại dâm.

- Hành vi đánh bạc trái phép.

- Hành vi vi phạm quy định về bán, sử dụng rượu, bia.

- Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

- Hành vi đưa hối lộ người thi hành công vụ.

Tùy từng hành vi vi phạm cụ thể, mức phạt tối thiểu là 60.000 đồng, mức phạt tối đa là 30.000.000 đồng.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

Ngoài hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung nêu trên, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép;

- Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện;

- Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hóa phẩm độc hại.

Người có hành vi vi phạm hành chính gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân, ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nêu trên còn

phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật dân sự.

Người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự trên lãnh thổ Việt Nam có thể bị trục xuất khỏi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trục xuất được áp dụng có thể là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng hình thức xử phạt trục xuất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt trục xuất theo thủ tục hành chính.

Câu hỏi 49. Hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự bị xử phạt như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP của Chính phủ thì hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự bị xử phạt bao gồm các hành vi sau đây:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ, phá huỷ hoặc làm bất cứ việc gì khác gây hư hại đến các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển hiệu của cơ quan, tổ chức.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi tự ý xê dịch, tháo dỡ cột dây điện thoại, điện tín, cột đèn, hàng rào của các cơ quan nhà nước hoặc các công trình công cộng khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình an ninh, trật tự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật, phương tiện đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 19.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 19.

Câu hỏi 50. Các hành vi đánh bạc trái phép bị xử phạt vi phạm hành chính là những hành vi nào? mức phạt là bao nhiêu?

Trả lời:

Điều 23 Nghị định số 73/2005/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt đối với hành vi đánh bạc trái phép như sau:

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mua các ô số lô, số đề nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi đánh bạc sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Đánh bạc trái phép bằng một trong các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đỏ đen, cờ thế hoặc các hình thức khác mà được, thua bằng tiền, hiện vật;

b) Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử trái phép;

c) Cá cược “cá độ” bằng tiền hoặc dưới các hình thức khác trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động khác;

d) Bán thơ đề, bán số lô, số đề.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác;

b) Làm bảo vệ trái phép tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác hoặc che giấu việc đánh bạc trái phép;

c) Làm thơ đề.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh bạc sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc trái phép;

b) Dùng nhà của mình hoặc địa điểm khác để chứa bạc, gá bạc;

c) Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử trái phép;

d) Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền trái phép.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh đề sau đây nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Làm chủ lô, đề;

b) Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh lô, đề;

c) Tổ chức mạng lưới bán số lô, số đề;

d) Tổ chức các loại chơi cá cược “cá độ” trong

hoạt động thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí hoặc dưới các hoạt động khác để đánh bạc, ăn tiền.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện và tịch thu tiền do vi phạm hành chính mà có đối với hành vi quy định tại khoản 1; khoản 2; điểm a, c khoản 3; điểm b, c, d khoản 4 và khoản 5 Điều 23.

Câu hỏi 51. *Những hành vi vi phạm về bán, sử dụng rượu, bia bị xử lý như thế nào?*

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 73/2010/NĐ-CP của Chính phủ thì hành vi quy định về bán, sử dụng rượu, bia bị xử lý như sau:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi say rượu, bia ở công sở, nơi làm việc, trong các khách sạn, nhà hàng, quán ăn, trên các phương tiện giao thông và những nơi công cộng.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Xúi giục, cưỡng ép, tạo điều kiện cho trẻ em dưới 16 tuổi uống rượu, bia;

b) Chủ khách sạn, nhà hàng, quán ăn bán các loại rượu, nước uống hoặc các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên cho người chưa thành niên; bán rượu, bia cho trẻ em dưới 16 tuổi;

c) Bán rượu, bia, các chất kích thích khác có nồng độ cồn từ 14 độ trở lên tại các trường phổ thông;

d) Uống rượu, bia trong các trường phổ thông.

3. Các hành vi vi phạm khác về sản xuất, kinh doanh rượu thì bị xử lý theo Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện đối với hành vi quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 24.

Phần III

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ, BẢO VỆ CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP, BẢO VỆ DÂN PHỐ TRONG BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Câu hỏi 52. Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định của Pháp lệnh dân quân tự vệ năm 2004, dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và của Ủy ban nhân dân các cấp, sự chỉ đạo, chỉ huy thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự địa phương. Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân; được tổ chức ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội gọi là tự vệ.

Theo quy định của Luật Công an nhân dân năm 2005, Luật An ninh quốc gia năm 2004 và Pháp lệnh dân quân tự vệ năm 2004, dân quân tự vệ có trách nhiệm phối hợp với Công an và các lực lượng khác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, của tổ chức ở cơ sở, tính mạng và tài sản của cá nhân nước ngoài, mục tiêu và công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn cơ sở.

Câu hỏi 53. *Trách nhiệm của dân quân tự vệ trong phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác và tệ nạn xã hội như thế nào?*

Trả lời:

Theo quy định của pháp luật hiện hành, dân quân tự vệ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an và các lực lượng khác tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, trong đó có công tác phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác và tệ nạn xã hội.

Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ này thông qua các hoạt động cụ thể như: tiến hành tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn các khu vực, mục tiêu được phân công; phát hiện, ngăn chặn, tham gia bắt giữ đối tượng vi phạm pháp luật bảo vệ tài sản Nhà nước, tập thể, tính mạng và tài sản công dân; phát hiện, báo cáo lên cấp trên kịp thời ngăn ngừa và tham gia xử lý các hoạt động gây mất ổn định ở cơ sở và trên biển...

Câu hỏi 54. Dân quân tự vệ có được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ hay không? Nếu có thì được sử dụng trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Theo Nghị định số 47/CP ngày 12-8-1996 của Chính phủ về quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và các văn bản pháp luật có liên quan, thì dân quân tự vệ được trang bị, sử dụng vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, vũ khí thô sơ và công cụ hỗ trợ (gọi chung là vũ khí, công cụ hỗ trợ).

Theo quy định của Pháp lệnh dân quân tự vệ và Quy chế hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ được ban hành kèm theo Quyết định số 56/2005/QĐ-BQP ngày 17-5-2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, khi làm nhiệm vụ phối hợp với quân đội, công an và các lực lượng khác bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước, của tổ chức ở cơ sở, tính mạng và tài sản của cá nhân nước ngoài, mục tiêu và công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn, dân quân tự vệ được quyền sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ. Việc nổ súng phải tuân thủ theo nguyên tắc sau:

- Có lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam,

Tư lệnh các quân khu và tương đương hoặc người chỉ huy các cấp khi được ủy quyền;

- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng theo quy định của pháp luật;

- Khi đang thực hiện nhiệm vụ: sau khi đã áp dụng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, giải thích, răn đe, sử dụng công cụ hỗ trợ, ngăn chặn nhưng đối tượng vẫn không tuân lệnh hoặc trong trường hợp cấp bách không có biện pháp nào khác để ngăn chặn đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng;

- Khi làm nhiệm vụ bảo vệ các mục tiêu, tuần tra bảo vệ biên giới, biển, đảo phát hiện được địch (cả mặt đất, trên không);

- Việc nổ súng phải thực hiện theo ba bước: bắn cảnh cáo, bắn bị thương, bắn tiêu diệt.

Câu hỏi 55. *Khi phát hiện các vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự ở cơ sở, lực lượng dân quân tự vệ xử lý như thế nào?*

Trả lời:

Trong quá trình làm nhiệm vụ, nếu phát hiện các vụ việc vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự ở cơ sở, lực lượng dân quân tự vệ phải kịp thời ngăn chặn ngay hành vi vi phạm, bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, cấp cứu người bị hại, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân; chuyển vụ việc cho cơ quan công an xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vụ việc để xử lý theo thẩm quyền.

Câu hỏi 56. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng dân quân tự vệ với Công an cơ sở trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Quyết định số 56/2005/QĐ-BQP ngày 17-5-2005 về việc ban hành Quy chế hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thì:

Quan hệ phối hợp giữa lực lượng dân quân tự vệ với Công an cơ sở trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được quy định như sau:

Mọi hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ với Công an cơ sở phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, sự chỉ đạo của Chỉ huy quân sự và Công an cấp trên. Quá trình phối hợp hoạt động phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh toàn dân, của cả hệ thống chính trị thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, trong đó lực lượng Công an và lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt; bảo đảm đoàn kết thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ, phát huy tính tích cực, chủ động, thận trọng và kiên quyết, bảo đảm sự điều hành, chỉ huy tập trung thống nhất của từng lực lượng, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng lực lượng theo quy định của pháp luật hiện hành, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân. Khi hoạt động phối hợp lực lượng dân

quân tự vệ phải chấp hành nghiêm mệnh lệnh của người chỉ huy chung.

Nội dung phối hợp bao gồm:

- Phối hợp nắm tình hình, trao đổi thông tin về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong địa bàn, tình hình của từng lực lượng có liên quan đến phối hợp hoạt động.

- Phát hiện, thông báo hoặc bắt giữ các đối tượng phạm pháp quả tang giao cho công an.

- Phối hợp tuần tra canh gác, bảo vệ các mục tiêu được phân công.

- Phối hợp tổ chức các chốt chặn giao thông.

- Hỗ trợ công an trong việc bắt, canh giữ, dẫn giải tội phạm theo yêu cầu của chính quyền cơ sở.

- Phát hiện, hỗ trợ công an bắt giữ bọn cầm đầu quá khích, giải tán đám đông trong các vụ gây rối. Vây bắt, trấn áp, tiêu diệt bọn phản cách mạng khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp trong tổ chức huấn luyện, diễn tập chiến đấu trị an.

Câu hỏi 57. Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình làm nhiệm vụ, dân quân tự vệ có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng chức năng tham gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông khi được cấp có thẩm quyền phân công;

tham gia cứu chữa người bị thương do tai nạn giao thông và bảo vệ tài sản, hiện trường vụ tai nạn giao thông theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 58. Vị trí, vai trò của bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?

Trả lời:

Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp là lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở, hoạt động theo quy định của Nghị định số 73/2001/NĐ-CP ngày 05-10-2001 của Chính phủ và các văn bản có liên quan. Lực lượng này được thành lập tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật hợp tác xã và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Câu hỏi 59. Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?

Trả lời:

Lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp có nhiệm vụ phối hợp với Công an cấp cơ sở xã, phường, thị trấn nắm vững tình hình an ninh, trật tự, đề xuất với người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp xây dựng nội quy bảo vệ, kế hoạch, biện pháp phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong cơ quan, doanh nghiệp; làm nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong cơ quan, doanh nghiệp, v.v...

Câu hỏi 60. *Việc huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được tổ chức như thế nào?*

Trả lời:

Hàng năm, các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ và thông báo cho cơ quan Công an chức năng biết để chủ động phối hợp thực hiện. Nội dung huấn luyện lực lượng bảo vệ gồm:

- + Kiến thức cơ bản về pháp luật
- + Các biện pháp nghiệp vụ bảo vệ
- + Sử dụng công cụ hỗ trợ được trang bị cho lực lượng bảo vệ và những động tác tự vệ, bắt giữ tội phạm.

Câu hỏi 61. *Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?*

Trả lời:

Lực lượng bảo vệ các cơ quan, doanh nghiệp trung ương do các cục chức năng thuộc Tổng cục An ninh Bộ Công an tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

Lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, doanh nghiệp địa phương, các cơ quan, doanh nghiệp trung ương đã phân cấp cho Công an địa phương quản lý, các tổ chức, đơn vị kinh tế thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật hợp tác xã và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Công an tỉnh, thành

phố nơi cơ quan, doanh nghiệp đóng tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận.

Câu hỏi 62. Vị trí, chức năng của Bảo vệ dân phố?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố (Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006) thì Bảo vệ dân phố có vị trí, chức năng, nhiệm vụ sau:

1. Bảo vệ dân phố là lực lượng quần chúng tự nguyện làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, được thành lập ở các phường, thị trấn (sau đây gọi chung là phường) nơi bố trí lực lượng Công an chính quy, do Ủy ban nhân dân phường quyết định thành lập.

2. Bảo vệ dân phố có trách nhiệm làm nòng cốt trong việc thực hiện phong trào quần chúng, bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện một số biện pháp công tác phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác theo quy định của pháp luật, nhằm bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trên địa bàn.

Câu hỏi 63. Bảo vệ dân phố có những nhiệm vụ gì để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở?

Trả lời:

Căn cứ vào Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 thì lực lượng này thực hiện các nhiệm vụ sau để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở:

1. Nắm tình hình an ninh, trật tự, phát hiện các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, các vụ vi phạm hành chính, vi phạm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường; phản ánh cho cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân phường, có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn; tham gia hoà giải, giải quyết kịp thời không để những hậu quả xấu xảy ra.

2. Phổ biến, tuyên truyền nâng cao cảnh giác, ý thức phòng ngừa tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự nhằm vận động nhân dân trong phường tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc, quy ước, nội quy về bảo vệ an ninh, trật tự; tham gia xây dựng phường, cụm dân cư, hộ gia đình an toàn về an ninh, trật tự, không có tội phạm, tệ nạn xã hội.

3. Đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong phường chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; sử dụng, quản lý chứng minh nhân dân và giấy tờ tùy thân khác; quy định về đăng ký hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tham gia giữ gìn trật tự công cộng, trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

4. Vận động nhân dân tham gia cảm hoá, giáo dục, giúp đỡ và quản lý những người đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ

sở chữa bệnh, trung tâm cai nghiện, người chưa thành niên phạm tội, người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, giúp đỡ những đối tượng đang trong diện quản lý, giáo dục tại phường. Vận động thuyết phục người thân của các đối tượng đang bị truy nã, trốn thi hành án, đối tượng phạm tội đang lẩn trốn để tác động họ ra đầu thú.

5. Khi có vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra trong địa bàn, phải kịp thời có mặt và tìm mọi cách báo ngay cho Công an phường; bảo vệ hiện trường, tham gia sơ cứu người bị nạn, giải cứu con tin, bắt, giữ người phạm tội quả tang, tham gia chữa cháy, cứu tài sản và thực hiện các công việc khác theo sự phân công, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân và Công an phường.

6. Phối hợp với lực lượng dân phòng và bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và Công an phường. Tổ chức tuần tra kiểm soát và tham gia các hoạt động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm khác về trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 64. *Bảo vệ dân phố có những quyền hạn gì?*

Trả lời:

Theo Điều 6 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày

17-4-2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố thì lực lượng Bảo vệ dân phố được giao các quyền hạn sau đây:

1. Bắt, tước hung khí và áp giải người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, trốn thi hành án phạt tù đến trụ sở Công an phường theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm và báo cáo với Ủy ban nhân dân, Công an phường để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật đối với những người đang có hành vi vi phạm trật tự công cộng, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông, các vi phạm quy định an toàn cháy nổ và những người vi phạm các quy định khác về trật tự, an toàn xã hội.

3. Tham gia với lực lượng Công an hoặc lực lượng chức năng để truy bắt người phạm tội, người đang bị truy nã, trốn thi hành án; kiểm tra tạm trú, tạm vắng; kiểm tra giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác của những người tạm trú, người có nghi vấn đến địa bàn khu phố được phân công phụ trách.

Câu hỏi 65. *Quan hệ công tác của Bảo vệ dân phố các tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở?*

Trả lời:

Quan hệ công tác của Bảo vệ dân phố với các tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở gồm:

1. Đối với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường:

Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, điều hành, quản lý về tổ chức và chỉ đạo chung về công tác.

2. Đối với Công an phường: Bảo vệ dân phố chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ bảo vệ an ninh, trật tự và tham gia phối hợp cùng Công an phường trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự.

3. Đối với lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dân phòng, đoàn thể quần chúng và lực lượng bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường: phối hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong địa bàn, theo chỉ đạo của Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân phường.

Câu hỏi 66. Điều kiện, tiêu chuẩn của Bảo vệ dân phố?

Trả lời:

Điều kiện, tiêu chuẩn Bảo vệ dân phố được quy định như sau:

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, cư trú ổn định tại địa bàn.

2. Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Có sức khỏe, có điều kiện, nhiệt tình và tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội; am hiểu pháp luật và phải được bồi dưỡng nghiệp vụ về bảo vệ an ninh, trật tự.

4. Không có tiền án, tiền sự, không phải là người đang chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án

treo, quản chế hình sự hoặc đang chấp hành một trong các biện pháp xử lý hành chính khác.

5. Quan hệ tốt với nhân dân, được quần chúng tín nhiệm và được nhân dân trong cụm dân cư giới thiệu, bầu ra.

Câu hỏi 67. Nguyên tắc hoạt động của Bảo vệ dân phố?

Trả lời:

Căn cứ vào Điều 3 của Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 thì: Bảo vệ dân phố hoạt động dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng uỷ phường, sự giám sát của Hội đồng nhân dân phường, sự quản lý điều hành của Uỷ ban nhân dân phường và sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp công tác của Công an phường.

Mọi hoạt động của Bảo vệ dân phố được thực hiện theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng danh nghĩa của Bảo vệ dân phố để thực hiện hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Câu hỏi 68. Hoạt động của Bảo vệ dân phố được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Căn cứ vào Điều 7 của Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 thì tổ chức của Bảo vệ dân phố được quy định như sau:

1. Mỗi cụm dân cư được thành lập một tổ Bảo

vệ dân phố. Tổ trưởng và các tổ viên tổ Bảo vệ dân phố do đại diện các hộ gia đình trong cụm dân cư bầu ra. Tùy vào tình hình đặc điểm và số lượng dân cư trên địa bàn, mỗi tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên.

2. Mỗi phường được thành lập một Ban Bảo vệ dân phố. Ban Bảo vệ dân phố gồm Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các ủy viên. Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là Tổ trưởng các tổ Bảo vệ dân phố ở các cụm dân cư. Trưởng ban, các Phó Trưởng Ban Bảo vệ dân phố do tập thể ủy viên Ban Bảo vệ dân phố bầu ra bằng hình thức bỏ phiếu kín.

3. Trưởng Công an phường có trách nhiệm tổ chức việc bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Tổ trưởng và các tổ viên Bảo vệ dân phố và đề nghị Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận các chức danh trên.

Căn cứ vào kết quả bầu cử của Ban Bảo vệ dân phố và đề nghị của Trưởng Công an phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định thành lập Ban Bảo vệ dân phố, công nhận Trưởng ban, các Phó trưởng ban, các ủy viên, các Tổ trưởng và các tổ viên Bảo vệ dân phố.

4. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố là 5 năm. Trong nhiệm kỳ hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố, việc thay đổi, bãi miễn, bổ sung các chức danh của Ban Bảo vệ dân phố được thực hiện như sau:

a) Nếu Trưởng ban, Phó trưởng ban, Tổ trưởng và các tổ viên Bảo vệ dân phố mà khuyết (do chết,

không còn bảo đảm sức khỏe hoặc xin nghỉ việc) thì tổ chức bầu bổ sung vào các chức danh đó theo thủ tục chung được quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP;

b) Nếu Trưởng ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tập thể Ban và nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Trưởng Công an phường báo cáo đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức họp tập thể Ban Bảo vệ dân phố để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và làm thủ tục bầu người khác thay thế;

c) Tổ trưởng và các tổ viên Bảo vệ dân phố không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được nhân dân tín nhiệm hoặc vi phạm kỷ luật, pháp luật thì Trưởng Ban Bảo vệ dân phố báo cáo đề xuất với Trưởng Công an phường tổ chức họp đại diện các hộ gia đình trong cụm dân cư đã bầu thành viên đó để lấy ý kiến đề nghị bãi nhiệm và bầu người khác thay thế;

d) Việc công nhận và bãi nhiệm Trưởng ban, Phó trưởng ban, Tổ trưởng và các tổ viên mới của Ban Bảo vệ dân phố phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định bằng văn bản.

Câu hỏi 69. *Lê lối làm việc của lực lượng Bảo vệ dân phố được quy định như thế nào?*

Trả lời:

Điều 9 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 quy định lễ lối làm việc của Bảo vệ dân phố như sau:

1. Trưởng Ban Bảo vệ dân phố chịu trách nhiệm quản lý tổ chức và điều hành mọi hoạt động của Ban Bảo vệ dân phố, thường xuyên báo cáo tình hình kết quả thực hiện các mặt công tác của Bảo vệ dân phố với Ủy ban nhân dân phường và Công an phường.

a) Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố giúp việc Trưởng ban và thực hiện phần việc được phân công, thay thế Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Ban khi được Trưởng ban uỷ quyền.

b) Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Trưởng ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố và có trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương, biện pháp, kế hoạch công tác của Bảo vệ dân phố ở cụm dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về an ninh, trật tự do Trưởng ban, Phó trưởng Ban Bảo vệ dân phố giao.

2. Hằng tháng, Ban Bảo vệ dân phố họp một lần (trừ đột xuất) để kiểm điểm công tác đã làm và bàn chương trình công tác tháng tới.

3. Trong khi làm nhiệm vụ Bảo vệ dân phố phải đeo băng chức danh, biển hiệu theo quy định.

Câu hỏi 70. Chế độ chính sách đối với Bảo vệ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 11 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 thì khi tham gia lực lượng Bảo vệ dân phố sẽ được các chế độ, chính sách như sau:

1. Bảo vệ dân phố được hưởng phụ cấp hàng tháng do Ủy ban nhân dân phường chi trả. Căn cứ vào điều kiện cụ thể và cân đối nguồn ngân sách của từng địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức phụ cấp cho từng chức danh Bảo vệ dân phố ở địa phương mình.

2. Bảo vệ dân phố trong khi làm nhiệm vụ mà bị hy sinh, bị thương theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì được xem xét công nhận là liệt sĩ hoặc người được hưởng chính sách như thương binh.

3. Bảo vệ dân phố được bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an. Trong thời gian tập trung bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh, trật tự, Bảo vệ dân phố được hưởng chế độ phụ cấp đi lại, ăn ở như quy định đối với Công an xã.

Câu hỏi 71. *Trách nhiệm của Bộ Công an đối với lực lượng Bảo vệ dân phố?*

Trả lời:

Điều 17 Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17-4-2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố quy định Bộ Công an có trách nhiệm giúp Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng lực lượng và hoạt động của Bảo vệ dân phố; quy định chương trình nội dung bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ về công tác bảo vệ an ninh trật tự và pháp

luật; việc trang thiết bị cho Bảo vệ dân phố theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, Công an các cấp có trách nhiệm tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp mở Hội nghị sơ kết, tổng kết thi đua về công tác Bảo vệ dân phố để rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến nhằm động viên, khen thưởng những cá nhân, đơn vị làm tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời Nhà xuất bản	5
Phần I: Những vấn đề chung về bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở	9
<i>Câu hỏi 1.</i> An ninh, trật tự ở cơ sở là gì?	9
<i>Câu hỏi 2.</i> Bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở gồm những nội dung gì? Có những lực lượng nào tham gia?	9
<i>Câu hỏi 3.</i> Mục đích của “Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là gì?	10
<i>Câu hỏi 4.</i> Tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở hiện nay có những loại mô hình nào?	11
<i>Câu hỏi 5.</i> Hiện nay, có bao nhiêu loại hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ? Các tổ chức này giống và khác nhau như thế nào?	12
<i>Câu hỏi 6.</i> Vai trò của các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là gì?	13
<i>Câu hỏi 7.</i> Các tổ chức quần chúng có trách nhiệm như thế nào trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội ở cơ sở?	14
<i>Câu hỏi 8.</i> Trách nhiệm của công dân trong việc tố giác tội phạm?	15
<i>Câu hỏi 9.</i> Trách nhiệm của công dân tham gia bảo vệ hiện trường vụ án?	16

<i>Câu hỏi 10.</i> Trách nhiệm của người làm chứng được quy định như thế nào?	16
<i>Câu hỏi 11.</i> Quyền của người làm chứng được quy định như thế nào?	17
<i>Câu hỏi 12.</i> Công dân có thành tích trong đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa bàn cơ sở được khen thưởng như thế nào?	17
<i>Câu hỏi 13.</i> Khi phát hiện hoặc tiếp nhận tin báo vụ, việc xảy ra về an ninh, trật tự tại cơ sở thì các tổ chức quần chúng phải làm gì?	19
<i>Câu hỏi 14.</i> Khi phát hiện tội phạm, trách nhiệm công dân phải làm gì?	19
<i>Câu hỏi 15.</i> Tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở có trách nhiệm như thế nào trong việc giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại cộng đồng?	20
<i>Câu hỏi 16.</i> Khi có vụ việc khẩn cấp liên quan đến an ninh, trật tự tại cơ sở thì cần liên lạc với ai, số điện thoại nào?	21
<i>Câu hỏi 17.</i> Khi có vụ việc gây rối trật tự công cộng xảy ra trên địa bàn, các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở phải làm gì?	21
<i>Câu hỏi 18.</i> Mối quan hệ giữa Tổ trưởng tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố?	22
<i>Câu hỏi 19.</i> Hoạt động nào của chính quyền xã, phường, thị trấn phải công khai để nhân dân biết và giám sát?	23
<i>Câu hỏi 20.</i> Những nội dung nào trong hoạt động của chính quyền cơ sở thì nhân dân được bàn và quyết định trực tiếp?	25

<i>Câu hỏi 21.</i> Khiếu nại và tố cáo khác nhau như thế nào?	25
<i>Câu hỏi 22.</i> Nếu muốn gửi đơn thư khiếu nại thì gửi đến đâu? Người khiếu nại có quyền và nghĩa vụ gì?	26
<i>Câu hỏi 23.</i> Trường hợp nào thì đơn thư khiếu nại không được xem xét, giải quyết?	28
<i>Câu hỏi 24.</i> Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo? Việc tố cáo không được xem xét, giải quyết trong các trường hợp nào?	28
Phần II: Vai trò, trách nhiệm của Công an trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở	
<i>Câu hỏi 25.</i> Vị trí, chức năng của Công an xã?	30
<i>Câu hỏi 26.</i> Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã?	31
<i>Câu hỏi 27.</i> Công an xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn nào để bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở?	31
<i>Câu hỏi 28.</i> Cơ quan, tổ chức nào có quyền giám sát hoạt động của Công an xã?	34
<i>Câu hỏi 29.</i> Quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự?	35
<i>Câu hỏi 30.</i> Những hành vi nào bị cấm liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý Công an xã?	35
<i>Câu hỏi 31.</i> Công an xã được tổ chức như thế nào?	36
<i>Câu hỏi 32.</i> Công an xã được trang bị những gì và có nơi làm việc riêng không?	37
<i>Câu hỏi 33.</i> Chế độ, chính sách đối với Công an xã được quy định như thế nào?	38

<i>Câu hỏi 34.</i> Trách nhiệm của Bộ Công an đối với tổ chức, hoạt động của Công an xã?	39
<i>Câu hỏi 35.</i> Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp đối với hoạt động của Công an xã?	40
<i>Câu hỏi 36.</i> Công an phường thực hiện những nhiệm vụ nào để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở?	41
<i>Câu hỏi 37.</i> Đồn Công an được tổ chức như thế nào? Đồn Công an được giao chức năng, nhiệm vụ gì?	43
<i>Câu hỏi 38.</i> Trạm Công an được tổ chức như thế nào, thực hiện chức năng, nhiệm vụ gì?	43
<i>Câu hỏi 39.</i> Hiện nay, có bao nhiêu loại trạm Công an? Mục đích thành lập các loại Trạm đó?	44
<i>Câu hỏi 40.</i> Những đối tượng nào bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?	45
<i>Câu hỏi 41.</i> Thẩm quyền quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn?	46
<i>Câu hỏi 42.</i> Hết hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại cấp xã, người có quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn có được cấp giấy chứng nhận không?	46
<i>Câu hỏi 43.</i> Việc theo dõi về sự tiến bộ của người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn được thực hiện như thế nào?	47
<i>Câu hỏi 44.</i> Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã?	48
<i>Câu hỏi 45.</i> Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Trưởng Công an cấp xã?	49
<i>Câu hỏi 46.</i> Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ở cấp xã?	49
<i>Câu hỏi 47.</i> Thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính ở cấp xã?	50

<i>Câu hỏi 48.</i> Những hành vi vi phạm nào bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội?	51
<i>Câu hỏi 49.</i> Hành vi gây hư hại đến các công trình công cộng, công trình an ninh, trật tự bị xử phạt như thế nào?	54
<i>Câu hỏi 50.</i> Các hành vi đánh bạc bị xử phạt vi phạm hành chính là những hành vi nào? mức phạt là bao nhiêu?	55
<i>Câu hỏi 51.</i> Những hành vi vi phạm về bán, sử dụng rượu, bia bị xử lý như thế nào?	57
Phần III: Vai trò, trách nhiệm	
của dân quân tự vệ, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp, bảo vệ dân phố trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở	59
<i>Câu hỏi 52.</i> Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở như thế nào?	59
<i>Câu hỏi 53.</i> Trách nhiệm của dân quân tự vệ trong phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác và tệ nạn xã hội như thế nào?	60
<i>Câu hỏi 54.</i> Dân quân tự vệ có được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ hay không? Nếu có thì được sử dụng trong những trường hợp nào?	61
<i>Câu hỏi 55.</i> Khi phát hiện các vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự ở cơ sở lực lượng dân quân tự vệ xử lý như thế nào?	62
<i>Câu hỏi 56.</i> Quan hệ phối hợp giữa lực lượng dân quân tự vệ với Công an cơ sở trong bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được quy định như thế nào?	63

<i>Câu hỏi 57.</i> Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông như thế nào?	64
<i>Câu hỏi 58.</i> Vị trí, vai trò của bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?	65
<i>Câu hỏi 59.</i> Nhiệm vụ của lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?	65
<i>Câu hỏi 60.</i> Việc huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp được tổ chức như thế nào?	66
<i>Câu hỏi 61.</i> Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận cho lực lượng bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp?	66
<i>Câu hỏi 62.</i> Vị trí, chức năng của Bảo vệ dân phố?	67
<i>Câu hỏi 63.</i> Bảo vệ dân phố có những nhiệm vụ gì để bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở?	67
<i>Câu hỏi 64.</i> Bảo vệ dân phố có những quyền hạn gì?	69
<i>Câu hỏi 65.</i> Quan hệ công tác của Bảo vệ dân phố các tổ chức bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở?	70
<i>Câu hỏi 66.</i> Điều kiện, tiêu chuẩn của Bảo vệ dân phố?	71
<i>Câu hỏi 67.</i> Nguyên tắc hoạt động của Bảo vệ dân phố?	72
<i>Câu hỏi 68.</i> Hoạt động của Bảo vệ dân phố được thực hiện như thế nào?	72
<i>Câu hỏi 69.</i> Lễ lối làm việc của lực lượng Bảo vệ dân phố được quy định như thế nào?	74
<i>Câu hỏi 70.</i> Chế độ chính sách đối với Bảo vệ dân phố được quy định như thế nào?	75
<i>Câu hỏi 71.</i> Trách nhiệm của Bộ Công an đối với lực lượng Bảo vệ dân phố?	76

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

Biên tập nội dung:	PHẠM VIỆT NGUYỄN LỆ HUYỀN
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN LỆ HUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

24 Quang Trung - Hà Nội ĐT: 39422008 FAX: 84-4-39421881
E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC
- PHÁP LỆNH CÔNG AN XÃ
- PHÁP LỆNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH NĂM 2002
(Đã được sửa đổi, bổ sung các năm 2007, 2008)
- PHÁP LỆNH THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG
THỊ TRẤN NĂM 2007 VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN
THI HÀNH

